

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

Số: 15 /2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 22 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 1408/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 143/BC-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

##### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cộng đồng dân cư đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo, cận nghèo thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc bố trí quỹ đất để thực hiện chính sách được căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc một trong các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với cá nhân đã được giao đất ở lần đầu nhưng nay thiếu diện tích so với hạn mức giao đất ở tối thiểu thì cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở với điều kiện phải có đất liền kề.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở và đúng đối tượng.

5. Tại thời điểm lập phương án hỗ trợ, nếu có nhiều đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ nhưng chưa đủ quỹ đất để thực hiện chính sách thì thực hiện hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Cá nhân không có đất ở, đất sản xuất thuộc đối tượng hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Cá nhân không có đất ở, đất sản xuất;

c) Cá nhân thiếu đất ở, đất sản xuất thuộc đối tượng hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

d) Cá nhân còn lại thiếu đất ở, đất sản xuất.

## **Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng**

1. Cộng đồng dân cư đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng thì được giao diện tích tối thiểu 300 m<sup>2</sup>/cộng đồng dân cư.

2. Trường hợp đã có đất sinh hoạt cộng đồng nhưng chưa đủ diện tích tối thiểu thì được giao bổ sung để đảm bảo diện tích đất tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 4. Hỗ trợ đất đối với cá nhân**

1. Hỗ trợ lần đầu

a) Hỗ trợ đất ở: Cá nhân không có đất ở thì được Nhà nước giao đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất

sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.

b) Hỗ trợ đất nông nghiệp: Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp trong hạn mức theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai và không thu tiền sử dụng đất.

c) Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở: Cá nhân có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp để sản xuất, kinh doanh phải có phương án sử dụng đất được Ủy ban nhân dân nơi có đất xác nhận thì được Nhà nước cho thuê đất với diện tích không quá 250 m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị hoặc không quá 400 m<sup>2</sup> đối với khu vực nông thôn và được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

## 2. Hỗ trợ để bảo đảm ổn định cuộc sống

a) Cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở thì được giao tiếp đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp thiếu đất ở thì cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn tiền sử dụng đất.

b) Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

c) Cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, b khoản này chỉ được thực hiện quyền sử dụng đất có điều kiện theo quy định tại Điều 48 Luật Đất đai.

## **Điều 5. Quỹ đất và nguồn kinh phí thực hiện chính sách**

1. Quỹ đất để thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai.

2. Kinh phí để thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi bảy thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Giàng Páo Mỹ**